

Số: 868 /QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT

Đồng Nai, ngày 02 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thu học phí bậc đại học năm học 2022-2023

GIÁM ĐỐC

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-ĐHLN-TCKT ngày 01/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc quy định mức thu học phí các bậc đào tạo đại học năm học 2022 - 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu học phí đối với sinh viên bậc đại học của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai. Cụ thể như sau:

- Đào tạo theo chương trình chính quy chuẩn đại trà:
 - Từ khóa 64 trở về trước áp dụng mức thu học phí chung cho tất cả các ngành;
 - Từ khóa 65 trở về sau áp dụng mức thu học phí từng ngành.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

- Đối với môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng: Mức thu học phí áp dụng chung cho tất cả các ngành. (Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

- Học ngoài thời gian thiết kế chương trình đào tạo (Khung chương trình), lớp học riêng ngoài kế hoạch theo yêu cầu: được áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo bao gồm cả chính quy và hệ vừa làm vừa học (Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 2. Quy định mức thu học phí theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể năm học 2022 - 2023. Việc xác định mức thu học phí và xét miễn, giảm học phí đối với một số trường hợp đặc biệt (*không nêu tại Điều 1 của Quyết định này*) do Giám đốc quyết định theo các quy định hiện hành của Nhà nước và tình hình cụ thể của Nhà trường.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các văn bản trước đây trái với quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Trường các đơn vị trong trường, sinh viên các bậc, hệ đào tạo và các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng ĐHLN (b/c);
- Ban giám đốc;
- Các cơ sở liên kết đào tạo;
- Website trường;
- Lưu: VT, TCKT, ĐT.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH PHÂN HIỆU**



Nguyễn Sỹ Hà



Phụ lục 01

**QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ BẠC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY - NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 868 /QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Khối ngành	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chính quy đại trà		
				Mức học phí niên chế (Đồng/ sinh viên/ tháng)	Mức thu học phí một tín chỉ (Đồng/tín chỉ)	
1		ĐỐI VỚI KHÓA 64 TRỞ VỀ TRƯỚC		1.127.000	318.000	
2		ĐỐI VỚI HỌC PHẦN GDQP&AN, GDTC			300.000	
3		ĐỐI VỚI KHÓA 65 TRỞ VỀ SAU				
	III	Kinh doanh và quản lý, pháp luật				
	III	7340101	Quản trị kinh doanh	1.176.000	320.000	
	III	7340301	Kế toán	1.176.000	320.000	
	IV	Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên				
	IV	7420201	Công nghệ sinh học	1.176.000	322.000	
	IV	7440301	Khoa học môi trường	1.176.000	329.000	
	V	Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y				
	V	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	1.176.000	327.000	
	V	7580102	Kiến trúc cảnh quan	1.176.000	315.000	
	V	7580108	Thiết kế nội thất	1.176.000	327.000	
	V	7620110	Khoa học cây trồng	1.176.000	338.000	
	V	7620112	Bảo vệ thực vật	1.176.000	331.000	
	V	7620205	Lâm sinh	1.176.000	334.000	
	V	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	1.176.000	323.000	
	V	7640101	Thú y	1.176.000	321.000	
	VII	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường				
	VII	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	1.127.000	327.000	
	VII	7850103	Quản lý đất đai	1.127.000	327.000	



Phụ lục 02

**QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ BẠC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC, ĐÀO TẠO TỪ XA
NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 868 /QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Khối ngành	Mã ngành	Ngành đào tạo	Vừa làm vừa học; đào tạo từ xa	
				Mức học phí niên chế (Đồng/sinh viên/tháng)	Mức thu học phí một tín chỉ (Đồng/tín chỉ)
1			- Đào tạo tại trường	1.240.000	360.000
2			- Đào tạo ngoài trường	1.350.000	400.000

- Đối với bậc liên thông, Văn bằng 2 thu 6 học kỳ gồm 5 học kỳ chính và 1 học kỳ tốt nghiệp (thu bằng 50% học phí kỳ trước đó).

- Đối với bậc đại học thu 9 học kỳ gồm 8 học kỳ chính và 01 học tốt nghiệp (thu bằng 50% học phí kỳ trước đó)

Phụ lục 03

**QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI
CÁC LỚP HỌC RIÊNG NGOÀI KẾ HOẠCH THEO YÊU CẦU CỦA
NGƯỜI HỌC NĂM HỌC 2022 -2023**

(Kèm theo Quyết định số 868 /QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Hạng mục	Mức thu học phí một tín chỉ (đồng/tín chỉ)
1	Lớp học riêng ngoài kế hoạch theo yêu cầu	
	- Lớp 1 sinh viên	2.800.000
	- Lớp từ 2-5 sinh viên	1.400.000
	- Lớp từ 6-10 sinh viên	750.000
	- Lớp từ 11 sinh viên trở lên	400.000
2	Khóa luận tốt nghiệp (học lại)	
	- Bậc đào tạo đại học (Khóa luận)	400.000

Đối với các lớp đào tạo ngoài trường, học theo yêu cầu được bố trí kế hoạch học tập tại trường và mức thu học phí áp dụng như các lớp học hệ, học riêng ngoài kế hoạch.